

Số 1507 /BVĐKXP-VTTTB
Về việc báo giá Mua sắm Thiết bị, vật tư
Răng hàm mặt

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm các thiết bị, vật tư Răng hàm mặt của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội)
- Thông tin liên hệ khi cần hỗ trợ, hướng dẫn tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư trang thiết bị và bảo dưỡng máy, số điện thoại: 0243.7342368
- Cách thức tiếp nhận báo giá bản cứng gửi về Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội),
File mềm gửi về địa chỉ mail: phongvattuttb.xanhpon@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 23 tháng 04 năm 2025 đến 17h00 ngày 06 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ vật tư, linh kiện phụ kiện (gọi chung là thiết bị) chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.
 - Quý đơn vị có thể báo giá một hoặc nhiều hơn một chủng loại trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu về cấu hình, tính năng kỹ thuật của thiết bị;
 - Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội).
- Thời gian giao hàng dự kiến: 120 ngày.
- Yêu cầu khác: Hồ sơ báo giá gồm các tài liệu sau:
 - Bản chào giá (Theo mẫu phụ lục 2)
 - Bản đáp ứng yêu cầu về cấu hình, thông số kỹ thuật của hàng hoá.
 - Cung cấp các tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất thể hiện các thông số đáp ứng yêu cầu cơ bản trong yêu cầu chào giá này của hàng hoá đơn vị chào giá.

- Đăng ký kinh doanh, tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế.

Bệnh viện rất mong sự hợp tác của quý Công ty./ *Ct*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ (để b/cáo);
- Lưu: VT; VTTTB(2).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Liên Hương

Phụ lục 1: Yêu cầu kỹ thuật

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH
I	Thiết bị răng hàm mặt		
1	Ghế răng	01	Chiếc
2	Tay khoan nhanh	05	Cái
3	Tay khoan chậm nha khoa	02	Bộ
4	Máy lấy cao răng siêu âm	1	Chiếc
6	Máy định vị nội nha	1	Chiếc
7	Máy điều trị nội nha	1	Chiếc
8	Máy nhổ răng siêu âm	2	Chiếc
9	Máy khoan xương, cắt xương	2	Chiếc
10	Máy hút dịch 2 bình	2	Máy
11	Đèn quang trùng hợp	1	Cái
II	Bộ dụng cụ Răng hàm mặt		
1	Kìm nhổ răng người lớn răng cửa hàm trên	10	Cái
2	Kìm nhổ răng người lớn răng cửa hàm dưới	10	Cái
3	Kìm nhổ răng người lớn răng hàm nhỏ hàm trên	10	Cái
4	Kìm nhổ răng người lớn răng hàm nhỏ hàm dưới	10	Cái
5	Kìm nhổ răng người lớn răng hàm lớn hàm trên	10	Cái

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH
6	Kìm nhổ răng người lớn răng hàm lớn hàm dưới	10	Cái
7	Kìm nhổ răng số 8 người lớn hàm trên	10	Cái
8	Kìm nhổ răng số 8 người lớn hàm dưới	10	Cái
9	Kìm nhổ chân răng người lớn hàm trên	10	Cái
10	Kìm nhổ chân răng người lớn hàm dưới	10	Cái
11	Bộ kìm nhổ răng trẻ em (gồm 07 chi tiết)	3	Cái
12	Bảy các loại	40	Bộ
13	Bộ khám (gương, thước thăm, kẹp gấp, khay quả đậu)	20	Bộ
14	Đầu lấy cao răng	10	Cái
III	Bộ dụng cụ tiểu phẫu (gồm 05 chi tiết)	5	Bộ
IV	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	6	Bộ

Phụ lục 2: Mẫu báo giá
(Kèm theo Công văn số 1507 /BVĐKXP-VTTTB ngày 23 tháng 4 năm 2024)
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu Công văn số.... [ghi rõ số Công văn về việc báo giá, ngày tháng, năm] của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày phát hành.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
I	Thiết bị răng hàm mặt			
1	Ghế răng	01	Chiếc	1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Xuất xứ: Một trong các nước G7 hoặc Châu Âu 2. Cấu hình và tính năng: - Hệ thống ghế nha khoa: nâng hạ bằng motor thủy lực hoặc bằng motor điện để tối ưu hóa chuyển động - Nệm ghế: Nguyên khối. - Bộ điều khiển bằng chân: Điều khiển nâng/hạ ghế, tựa lưng. - Mâm nha sỹ (tay khoan): 01 cái, cho phép lập trình tối thiểu 3 vị trí nhớ. - Mâm trợ thủ: 01 bộ gồm 1 tay hút nước bọt, 1 hút phẩu thuật, 1 tay xịt 3 chức năng

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Dây tay khoan: có khả năng lắp dây tay khoan tốc độ nhanh hoặc chậm theo tùy chọn. - Tay 3 chức năng: 01 cái (xịt hơi, nước, phun sương – có thể tháo rời để vệ sinh) - 02 vị trí trống: Cho phép lắp thêm thiết bị như cạo vôi, đèn trám - Đèn làm việc cảm ứng: 01 cái, điều khiển không chạm, điều chỉnh độ sáng - Ghế nha sỹ: 01 cái, điều chỉnh độ cao linh hoạt. - Bồn nhỏ thủy tinh cao cấp: 01 cái, nước ra ly cảm ứng, nước ra bồn nhỏ tự động - Chức năng dừng khẩn cấp: Có, tự động ngắt khi gặp vật cản 3. Thông số kỹ thuật cơ bản: - Chiều dài thân ghế: 1.800 mm $\pm$ 10% đến 1.910 mm $\pm$ 10% - Chiều cao nâng hạ ghế: Từ $\leq$ 530 mm đến $\geq$ 700 mm - Góc nghiêng tựa lưng: Từ $\leq$ 5° đến $\geq$ 60° - Đèn làm việc: - o Độ sáng: 10.000 – 30.000 Lux - o Điều khiển: Cảm ứng không chạm

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- o Nhiệt độ màu: $\leq 2000K$ đến $\geq 5.000K$ - Bàn điều khiển mâm nha sỹ: + Lập trình vị trí ghế: Tối thiểu 2 vị trí ghế thông qua màn hình cảm ứng hoặc nút bấm + Chức năng súc miệng: Có nút súc miệng hoặc chức năng lập trình thời gian súc miệng. + Quay về vị trí làm việc trước đó: Có nút bấm hoặc chức năng ghi nhớ vị trí làm việc trước đó. + Điều chỉnh nước ly, đèn làm việc, nước tay khoan: Thực hiện được thông qua bảng điều khiển LED hoặc màn hình cảm ứng. + Điều khiển nâng/hạ thân ghế và tựa lưng: Hỗ trợ thông qua màn hình cảm ứng hoặc bộ điều khiển chân. - Bồn nhỏ: Thủy tinh, có cảm biến nước ly, van điều khiển nước ấm - Mâm tay khoan: Có khóa cân, xoay ngang, di chuyển lên/xuống - Hệ thống hút: Hút bằng khí nén, điều chỉnh lực hút, đầu hút có thể tháo rời để vệ sinh. - Công tác an toàn: Có trong tựa lưng – tự ngắt khi gặp vật cản

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Nguồn điện sử dụng: Pin sạc hoặc AC 100-240V, 50/60Hz 4. Thời gian bảo hành Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
2	Tay khoan nhanh	05	Cái	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất từ 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Xuất xứ: Một trong các nước G7 hoặc Châu Âu 2. Cấu hình và yêu cầu kỹ thuật - Tay khoan nhanh dùng khí nén: 01 cái - Cơ chế giữ mũi bằng nút bấm - Tiết trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 135°C - Công suất cắt tối thiểu ≥ 18W - Tốc độ quay tối đa: ≥ 300.000 vòng/phút - Mũi khoan: Chuẩn FG 1.6 mm - Hệ thống làm mát: 01 tia nước - Cơ chế thay mũi: Nút bấm - Kết nối khí: 04 lỗ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Áp suất khí làm việc: 0.2 – 0.25 Mpa 3. Thời gian bảo hành - Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
3	Tay khoan chậm nha khoa	02	Bộ	1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất: Từ năm 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: Một trong các nước G7 hoặc Châu Âu 2. Cấu hình và yêu cầu kỹ thuật - Cấu hình tối thiểu: tay khoan chậm thẳng: 1 cái, tay khoan khuấy: 1 cái, Air Motor: 1 cái Tay khoan chậm thẳng: 01 cái - Kiểu tay khoan: Tay khoan chậm thẳng, không đèn. - Tốc độ quay tối đa: ≥ 40.000 vòng/phút. - Tỷ lệ truyền lực: 1:1 - Đường kính mũi khoan: 2,35 mm (chuẩn HP) - Kết nối khí: 4 lỗ. - Hệ thống làm mát: Phun nước ngoài.

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				Tay khoan khuỷu: 01 cái - Đầu gắn mũi khoan: mũi khoan tiêu chuẩn đường kính 2.35mm (RA-type). - Hệ thống phun nước: 01 lỗ phun sương đơn giản - Tốc độ tối đa: 30.000 vòng/phút. - Cơ cấu lắp mũi: nút bấm hoặc khóa ren. - Đường kính mũi khoan: 2,35 mm (chuẩn HP) Air Motor: 01 cái - Tốc độ : ≥ 20.000 (vòng /phút) - Phun nước: Bên ngoài 3. Thời gian bảo hành Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
4	Máy lấy cao răng siêu âm	1	Chiếc	1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng. - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Năm sản xuất: Từ 2024 trở về sau 2. Yêu cầu cấu hình: - Máy chính: 01 máy

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Tay cầm siêu âm: 01 cái - Dây tay cầm: Dài tối thiểu 250 cm. - Mũi cạo vôi: Tối thiểu 03 đầu (các chế độ G, E, P) - Dụng cụ mở/lắp mũi cạo vôi: 01 - Công tắc bàn đạp: 01 cái - Phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng + Phiếu bảo hành: 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật cơ bản: - Công suất tối đa: $\leq 11W$ (chế độ G tổng quát). - Tần số hoạt động siêu âm: $26kHz - 30kHz \pm 2kHz$ - Nguồn điện sử dụng: Pin sạc hoặc AC 100-240V, 50/60Hz - Chiều dài dây tay cầm: ≥ 250 cm - Máy phải có tối thiểu 03 chức năng: G (General): Tổng quát (cạo vôi răng); E (Endo): Nội nha; P (Perio): Nha chu. 4. Thời gian bảo hành - Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
6	Máy định vị nội nha	1	Chiếc	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương 2. Cấu hình và yêu cầu kỹ thuật: - Thân máy nhỏ gọn, màn hình màu LCD hoặc LED - Phụ kiện kèm theo: dây kẹp môi, dây kẹp file, dây đo ống tủy - Có cảnh báo âm thanh khi đến gần chóp - Phạm vi đo: 0.0 – 20.0 mm - Sai số: $\leq \pm 0.5$ mm - Nguồn điện sử dụng: Pin sạc hoặc AC 100-240V, 50/60Hz 3. Thời gian bảo hành - Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
7	Máy điều trị nội nha	1	Chiếc	1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất từ 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 2. Cấu hình và tính năng: - Thân máy chính: 01 bộ, màn hình hiển thị thông số rõ ràng

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Tay cầm điều trị: 01 cái, xoay 360°, thiết kế nhỏ gọn, dễ thao tác - Có các chế độ: xoay thuận, xoay ngược, tự đảo chiều, tự dừng khi quá tải. 3. Thông số kỹ thuật cơ bản - Nguồn điện sử dụng: AC 100-240V, 50/60Hz hoặc pin sạc - Tốc độ quay: Từ ≤ 150 vòng/phút đến ≥ 650 vòng/phút - Mô-men xoắn (lực xoắn): $\geq 4.0 \text{ N}\cdot\text{cm}$ - Đầu tay cầm: 20:1 - Màn hình hiển thị: LCD hoặc LED màu 4. Thời gian bảo hành Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
8	Máy nhổ răng	2	Chiếc	1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất từ 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 2. Cấu hình và tính năng: - Thân máy chính: 01 cái - Tay cầm siêu âm: 01 cái

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Bộ bơm nước tích hợp: 1 bộ - Bàn đạp điều khiển bằng chân: 01 cái - Bộ tip phẫu thuật: Tối thiểu 05 đầu tip (dùng cho nhổ răng, cắt dây chằng, tách nước, tạo hình xương, cắt xương). - Chế độ làm việc: Có tối thiểu 3 chế độ: cắt mô mềm, mô xương, chế độ tăng công suất 3. Thông số kỹ thuật cơ bản: - Tần số hoạt động: Từ ≤ 24 kHz đến ≥ 32 kHz - Công suất đầu ra: Từ $\leq 5W$ đến $\geq 35W$ (tùy chỉnh theo chế độ) - Nguồn điện: AC 100 – 120 V/ AC 220 - 240V, tần số 50 – 60Hz. - Màn hình hiển thị: LCD màu hoặc LED 4. Thời gian bảo hành Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
9	Máy khoan xương, cắt xương	2	Chiếc	1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất từ 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				2. Cấu hình và tính năng: - Thân máy chính: 01 cái - Tay khoan thẳng: 1 cái - Tay khoan góc: 1 cái - Lưỡi cưa xương: 1 cái - Bộ điều khiển tốc độ: 1 cái 3. Thông số kỹ thuật cơ bản: - Tốc độ tay khoan: 200 - $\geq$ 35000 vòng/phút - Mô men xoắn đầu ra: $\geq$ 7 N.cm - Độ ồn: < 65 dB - Điều chỉnh tốc độ bằng nút bấm hoặc chân đạp - Chế độ hoạt động: Đa tốc độ, có chế độ đảo chiều - Tay khoan có thể tháo rời để hấp tiết trùng ở 135°C - Nguồn điện: AC 100 – 120 V/ AC 220 - 240V, tần số 50 – 60Hz. 4. Thời gian bảo hành Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
10	Máy hút dịch 2 bình	2		1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện - Năm sản xuất từ 2024 trở về sau

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
			Máy	- Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 2. Cấu hình và tính năng: - Thân máy chính: 01 bộ - Bình chứa dịch: 02 bình có nắp kín - Dây hút dịch: 2 mét 3. Thông số kỹ thuật cơ bản: - Số lượng bình: 02 bình hút - Dung tích mỗi bình: 2.500 ml - Áp suất hút tối đa: ≥ 0.08 MPa - Lưu lượng hút: Tối thiểu 15 L/phút - Nguồn điện: 220V $\pm 10\%$, 50 Hz - Độ ồn: ≤ 60 dB - Tự ngắt khi đầy bình: Có. 4. Thời gian bảo hành - Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
11	Đèn quang trùng hợp	1	cái	1. Yêu cầu chung: - Hàng hóa mới 100%, nguyên đai nguyên kiện, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				2. Cấu hình và tính năng: - Thân đèn chính: 01 bộ, thiết kế cầm tay không dây, nhẹ, dễ thao tác - Đầu phát tia LED - Pin sạc, Thời lượng làm việc ≥ 200 lần chiếu sau mỗi lần sạc - Chế độ chiếu sáng: Tối thiểu 02 chế độ (liên tục, tăng dần) - Thời gian chiếu: Tùy chỉnh được (5, 10, 15 giây) 3. Thông số kỹ thuật cơ bản: - Cường độ ánh sáng: $\geq 800 \text{ mW/cm}^2 \pm 10 \%$ - Bước sóng LED: từ $\leq 400 \text{ nm}$ đến $\leq 500 \text{ nm}$ - Loại đèn: LED ánh sáng xanh hoặc Polywave LED (phổ rộng). - Nguồn điện: Sạc điện - Thời gian chiếu: tùy chỉnh theo nút bấm - Đầu đèn có thể tháo rời để vệ sinh và tiết trùng. 4. Thời gian bảo hành - Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
II	Bộ dụng cụ Răng hàm mặt			Yêu cầu chung - Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Yêu cầu dụng cụ đúng chủng loại, quy cách, kích thước được phép sai lệch $\pm 5\%$ - Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 135°C - Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao
	Dụng cụ răng hàm mặt gồm:			
1	Kìm nhổ răng người lớn răng cửa hàm trên	10	Cái	- Loại kìm chuyên dùng nhổ răng cửa hàm trên người lớn - Lòng mỏ kìm có nhiều khía chống trượt - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ.
2	Kìm nhổ răng người lớn răng cửa hàm dưới	10	Cái	- Loại kìm chuyên dùng để nhổ răng cửa hàm dưới người lớn - Lòng mỏ kìm có nhiều khía chống trượt - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ.
3	Kìm nhổ răng người lớn răng hàm nhỏ hàm trên	10	Cái	- Loại kìm chuyên dùng để nhổ răng hàm nhỏ hàm trên người lớn (thường là răng số 4, 5)

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Mỏ kìm có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
4	Kìm nhỏ răng người lớn răng hàm nhỏ hàm dưới	10	Cái	- Loại kìm chuyên dùng để nhổ răng hàm nhỏ hàm dưới người lớn (thường là răng số 4, 5) - Mỏ kìm có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
5	Kìm nhỏ răng người lớn răng hàm lớn hàm trên	10	Cái	- Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất: Từ 2024 trở về sau - Loại kìm chuyên dùng để nhổ răng hàm lớn hàm trên người lớn (thường là răng số 6, 7) - Mỏ kìm có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
6	Kìm nhỏ răng người lớn răng hàm lớn hàm dưới	10	Cái	- Loại kìm chuyên dùng để nhổ răng hàm lớn hàm dưới người lớn (thường là răng số 6, 7) - Mỏ kìm có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
7	Kìm nhỏ răng số 8 người lớn hàm trên	10	Cái	- Kìm chuyên dùng để nhổ răng khôn (răng số 8) hàm trên ở người lớn - Mỏ kìm có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
8	Kìm nhỏ răng số 8 người lớn hàm dưới	10	Cái	- Kìm chuyên dùng để nhổ răng khôn (răng số 8) hàm dưới người lớn - Mỏ kìm có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
9	Kim nhỏ chân răng người lớn hàm trên	10	Cái	- Kim chuyên dụng để nhổ chân răng, mảnh răng gãy hoặc răng bị tiêu phần thân ở vùng hàm trên người lớn - Mỏ kim có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
10	Kim nhỏ chân răng người lớn hàm dưới	10	Cái	- Kim chuyên dụng để nhổ chân răng, răng gãy sâu hoặc răng tiêu thân ở vùng hàm dưới người lớn - Mỏ kim có rãnh khía sâu - Tay cầm có khía nhám - Chiều dài: nằm trong khoảng từ 16 cm đến 20 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
11	Bộ kim nhỏ răng trẻ em (gồm 07 chi tiết)	3	Cái	- Bộ gồm 07 kim chuyên dụng cho trẻ em, dùng cho các vị trí răng sữa khác nhau: 1. Kim nhỏ răng cửa hàm trên (sữa) 2. Kim nhỏ răng cửa hàm dưới (sữa) 3. Kim nhỏ răng hàm nhỏ hàm trên (sữa) 4. Kim nhỏ răng hàm nhỏ hàm dưới (sữa) 5. Kim nhỏ răng hàm lớn hàm trên (sữa) 6. Kim nhỏ răng hàm lớn hàm dưới (sữa)

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				7. Kim nhỏ chân răng trẻ em (đá năng) - Số lượng dụng cụ: 07 cái - Chiều dài: các chi tiết có độ dài trong khoảng từ 13 đến 16 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
12	Bảy các loại	40	Bộ	- Bộ gồm tối thiểu 06 cây bẩy, gồm 02 loại thẳng và cong có kích thước đầu lần lượt là 3mm, 4 mm và 5 mm. - Số lượng: tối thiểu 06 cây/01 bộ. - Chiều dài: nằm trong khoảng 15 – 17 cm - Chất liệu: Thép không gỉ
13	Bộ khám (gương, thàng trám, kẹp gấp, khay quả đậu)	20	Bộ	- Bộ tối thiểu gồm 04 chi tiết: 1. Gương nha khoa có cán 2. Thám trám 3. Kẹp gấp 4. Khay quả đậu - Tay cầm của các dụng cụ bằng kim loại, có vân khía chống trượt - Gương soi có kích thước chuẩn, mặt phản chiếu rõ, không méo hình. - Chiều dài dụng cụ:

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				◦ Giương và thấm trám: trong khoảng từ 14 đến 17 cm ◦ Kẹp gấp: trong khoảng từ 15 đến 17 cm ◦ Khay quả đậu: trong khoảng từ 20 đến 25 cm - Chất liệu: Tất cả các dụng cụ bằng thép không gỉ
14	Đầu lấy cao răng	10	cái	- Đầu lấy cao răng thiết kế dạng ren vận, gắn trực tiếp vào tay cầm của máy siêu âm - Có các loại đầu tip cơ bản. - Đường kính phần gắn: Chuẩn tương thích với máy ART (gắn ren hoặc chốt khóa) - Chất liệu: Thép không gỉ hoặc Titan phủ lớp chống mài mòn.
III	Bộ dụng cụ tiểu phẫu (gồm 05 chi tiết)	5	Bộ	Yêu cầu chung - Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 - Yêu cầu dụng cụ đúng chủng loại, quy cách, kích thước được phép sai lệch $\pm 5\%$ - Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 135 ° C Yêu cầu kỹ thuật - Bộ gồm tối thiểu 05 chi tiết cơ bản, sử dụng trong tiểu phẫu răng miệng: Kim kẹp kim, Tách lợi, Cán dao, Kéo phẫu thuật (thiết kế đầu cong), Dụng cụ nạo huyết ổ răng.

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				- Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài dụng cụ: + Dao, kìm, kéo, cán dao: nằm trong khoảng 13 – 16 cm + Nạo huyết: nằm trong khoảng 12 – 14 cm - Tay cầm: Có khía nhám
IV	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	6	Bộ	Yêu cầu chung - Mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Yêu cầu dụng cụ đúng chủng loại, quy cách, kích thước được phép sai lệch $\pm 5\%$ - Xuất xứ: Một trong các nước G7 - Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 135 ° C
	Cấu hình tối thiểu của 01 bộ dụng cụ phẫu thuật như sau:			
1	Banh miêng, DENHART, lưới 16mm, dài 120 mm	1	cái	Banh miêng, DENHART Gồm 2 lưỡi banh cố định, thiết kế cong nhẹ để ôm sát bờ môi. Dạng banh miêng cơ học, không có bộ phận tự động. Chiều dài tổng thể: 120mm

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				Kích thước lưỡi banh: Rộng 16mm Chất liệu: Thép không gỉ
2	Đè lưỡi Wieder, gấp góc, lưỡi rộng 43mm, dài 150mm	1	cái	Đè lưỡi Wieder thiết kế dạng gấp góc, răng cưa Chiều dài tổng thể: 150mm Kích thước lưỡi đe: Rộng 43mm Chất liệu: Thép không gỉ
3	Banh trong miệng, quay phải, dài 210mm, kích thước lưỡi 26,5 / 16 mm	1	cái	Banh trong miệng dạng quay phải Đầu lưỡi cong về bên phải, bản dẹt, vát mỏng Chiều dài tổng thể: 210mm Kích thước lưỡi banh: 26,5mm x 16mm Chất liệu: Thép không gỉ
4	Banh trong miệng, quay trái, dài 210mm, kích thước lưỡi 26,5 / 16 mm	1	cái	Banh trong miệng dạng quay trái Đầu lưỡi cong về bên trái, bản dẹt, vát mỏng Chiều dài tổng thể: 210 mm Kích thước lưỡi banh: 26,5mm x 16mm Chất liệu: Thép không gỉ
5	Banh trong miệng, L&M, dùng cho thủ thuật cắt	1	cái	Banh trong miệng L&M dùng cho thủ thuật cắt xương dọc hàm dưới. Đầu làm việc cong nhẹ, bản dẹt, mặt cắt ngang hình chữ V, đầu lưỡi vát mỏng

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	xương dọc, dài 250mm			Chiều dài tổng thể: 250mm Chất liệu: Thép không gỉ
6	Banh nhánh, Obwegeser, kích thước 220mm	1	cái	Banh nhánh, Obwegeser Lưỡi banh cong, vuông góc với thân Tay cầm dạng vòng, có lỗ để chống trượt Chiều dài tổng thể: 220 mm Chất liệu: Thép không gỉ
7	Banh lòng máng, OBWEGESER, lưỡi 10mm, dài 160mm	1	cái	Banh lòng máng, OBWEGESER Lưỡi banh hình lòng máng, cong Chiều dài tổng thể: 160mm Lưỡi banh: 10 mm Chất liệu: Thép không gỉ
8	Dụng cụ róc màng xương Obwegeser, cong, lưỡi 7mm, dài 200mm	1	cái	Dụng cụ róc màng xương Obwegeser Dụng cụ dạng cong hình chữ J Chiều dài tổng thể: 200 mm Chiều rộng lưỡi: 7 mm Chất liệu: Thép không gỉ
9	Dụng cụ nâng xương, OBWEGESER,	1	cái	Dụng cụ nâng xương, OBWEGESER Thiết kế: Hai đầu cong, một đầu cong nhẹ và đầu còn lại cong sâu hơn

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	hai đầu cong, dài 205mm			Chiều dài tổng thể: 205mm Chất liệu: Thép không gỉ
10	Kẹp tái định vị ROWE, cong trái, dài 215mm	1	cái	Kẹp tái định vị ROWE Kẹp cong trái, đầu kẹp ôm sát mô xương, Chiều dài tổng thể: 215mm Chất liệu: Thép không gỉ
11	Kẹp tái định vị ROWE, cong trái, dài 240mm	1	cái	Kẹp tái định vị ROWE, Kẹp cong trái, có hai ngạnh cong và vít điều chỉnh lực ép Chiều dài tổng thể: 240mm Chất liệu: Thép không gỉ
12	Dụng cụ nâng xương hàm trên, Tessier, quay phải	1	cái	Dụng cụ nâng xương hàm trên Thân dụng cụ thiết kế dạng cong, quay phải, Đầu bản rộng, có rãnh ngang chống trượt Chất liệu: Thép không gỉ, Chiều dài: nằm trong khoảng từ 18 – 22 cm
13	Kẹp giữ cho tách dọc xương, Jeter-Van Sickels, loại khỏe, ngàm có	1	cái	Kẹp giữ tách dọc xương Răng ngàm: 2x2 răng (2 răng trên, 2 răng dưới) Kiểu ngàm: ngàm khỏe, có khía ngang chống trượt. Chiều dài tổng thể: 180mm

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	khĩa ngang, 2x2 răng, dài 180mm			Chất liệu: Thép không gỉ
14	Kẹp giữ xương WOLFORD, lưới gấp khúc, dài 250mm	1	cái	Kẹp giữ xương lưới gấp khúc Lưới kẹp: Gấp khúc, hai ngạnh cong bất đối xứng, đầu ngạnh cong vào trong Tay cầm vòng Chiều dài tổng thể: 250mm Chất liệu: Thép không gỉ
15	Đục xương Epker, lưới 6mm, thẳng, dài 180mm	1	cái	Đục xương lưới thẳng Lưới thẳng, đầu sắc, vát một bên Cán đặc, chống trượt Chiều dài tổng thể: 180mm Kích thước lưới: 6mm, Chất liệu: Thép không gỉ
16	Đục xương Epker, lưới 6mm, cong, dài 180mm	1	cái	Đục xương lưới cong Dạng lưới cong, đầu sắc, vát một bên Cán đặc, chống trượt Chiều dài tổng thể: 180mm Kích thước lưới: 6mm Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
17	Đục xương Martini, dày 4.5 mm, dài 150mm	1	cái	Đục xương Martini thiết kế với lưỡi đục dày, chuyên dụng trong các phẫu thuật vùng răng hàm mặt. Hai đầu nhọn, lòng nạo hình muỗng, cán tròn Chiều dài tổng thể: 150mm Kích thước bản lưỡi: dày 4.5mm Chất liệu: Thép không gỉ
18	Banh nhánh HARGIS, cong trái, dài 195mm	1	cái	Banh nhánh HARGIS, thiết kế cong trái, Lưỡi cong, bản rộng, đầu lưỡi có rãnh, mặt trong lõm Chiều dài tổng thể: 195mm Chất liệu: Thép không gỉ
19	Banh hàm dưới, Hargis, dạng cong, chiều dài 175 mm	1	cái	Banh hàm dưới Hargis, thiết kế dạng cong, Lưỡi cong, bản rộng, đầu lưỡi có rãnh nhẹ, mặt trong lõm. Chiều dài tổng thể: 175mm Chất liệu: Thép không gỉ
20	Róc màng xương mép trước, Hargis, dài 185mm	1	cái	Róc màng xương mép trước Hargis Cán rộng, nhẹ, có móc tỉ ngón tay Thiết kế: Đầu cong, dạng chữ U, vát góc, phù hợp giải phẫu mép trước ngành lên xương hàm dưới Chiều dài tổng thể: 185mm Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
21	Róc màng xương Hargis, dài 235mm, cong phải 6,5mm	1	cái	Róc màng xương Hargis Kiểu lưỡi: cong phải, đầu lưỡi bán nguyệt, vát mỏng Cán rỗng, có móc tì ngón tay Chiều dài tổng thể: 235mm Chiều rộng lưỡi: 6,5 mm Chất liệu: Thép không gỉ
22	Đục xương chân bướm HARGIS, đầu cong 10mm, dài 220mm	1	cái	Đục xương chân bướm HARGIS Chiều dài tổng thể: 220mm Đầu đục cong, vát hai bên, bán rộng 10mm Tay cầm: cán đặc, tròn Chất liệu: Thép không gỉ
23	Dụng cụ tách đọc Smith, quay phải, dài 185mm, đầu tách 9mm	1	cái	Dụng cụ tách đọc Smith Đầu đục cong về bên phải Chiều dài tổng thể: 185mm Kích thước đầu tách: 9mm Chất liệu: Thép không gỉ
24	Dụng cụ tách đọc Smith, quay trái, dài 185mm, đầu tách 9mm	1	cái	Dụng cụ tách đọc Smith Đầu đục cong về bên trái, vát hai bên, bán rộng Chiều dài tổng thể: 185mm Kích thước đầu tách: 9mm

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				Chất liệu: Thép không gỉ
25	Banh nhánh Smith, dài 235mm	1	cái	Banh nhánh Smith Thiết kế: Thân dẹt, đầu banh cong nhẹ, bản rộng, đầu vát Chiều dài tổng thể: 235mm Đầu banh: bản rộng 10 mm Chất liệu: Thép không gỉ
26	Banh vòm miệng, Turvey, dài 170mm	1	cái	Banh vòm miệng Turvey Thiết kế: Đầu banh thẳng, có độ cong nhẹ Chiều dài tổng thể: 170mm Chất liệu: Thép không gỉ
27	Bẫy xương OBWEGESER, đầu cong 6mm, dài 210mm	1	cái	Bẫy xương Obwegeser hai đầu Hai đầu làm việc: một đầu cong, một đầu thẳng, bản dẹt, vát mỏng, bán sắc Chiều dài tổng thể: 210mm Chiều rộng đầu bẫy: 6 mm Chất liệu: Thép không gỉ
28	Nạo xương đuôi én Obwegeser, kích thước 10	1	cái	Nạo xương đuôi én Obwegeser Đầu cong kiểu đuôi én, quay trái, vát mỏng, bản rộng phù hợp giải phẫu vùng chân bướm, hàm mặt Cán dẹt, có vân chống trượt,

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	mm, quay trái, dài 180mm			Chiều dài tổng thể: 180mm Chiều rộng đầu nạo: 10 mm Chất liệu: Thép không gỉ
29	Đục xương Obwegeser, 6 mm, dài 190mm	1	cái	Đục xương Obwegeser Đầu đục hình chữ U, hai đầu tròn, vát mỏng, sắc bén Chiều dài tổng thể: 190mm Bản lưới đục: 6mm Chất liệu: Thép không gỉ
30	Đục xương Obwegeser, lưới dẹt vát, rộng 8mm, dài 225mm, tay cầm silicone	1	cái	Đục xương Obwegeser Thiết kế lưới: Dẹt, vát hai bên, đầu sắc bén Chiều dài tổng thể: 225mm Kích thước lưới đục: Rộng 8 mm Chất liệu lưới: Thép không gỉ Tay cầm: Chất liệu silicone, chống trượt
31	Đục xương Obwegeser, lưới dẹt, rộng 8 mm, dài 225mm, tay cầm silicone	1	cái	Đục xương Obwegeser, Thiết kế lưới: Dẹt, vát hai bên, sắc bén Chiều dài tổng thể: 225mm Kích thước lưới đục: Rộng 8mm Chất liệu lưới: Thép không gỉ Tay cầm: Chất liệu silicone, chống trượt

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				Đầu kẹp bản rộng, cong góc, mặt trong có rãnh ngang chống trượt Chiều dài tổng thể: 170mm Chất liệu: Thép không gỉ
36	Dụng cụ nâng xương TESSIER, quay phải, lưới 9mm, dài 150mm	1	cái	Dụng cụ nâng xương TESSIER, Thiết kế lưới: Đầu nâng vuông góc với thân, mặt lưới có rãnh ngang chống trượt, quay phải. Tay cầm: Cán đặc, đầu cán cong Chiều dài tổng thể: 150mm Chiều rộng lưới: 9 mm Chất liệu: Thép không gỉ
37	Dụng cụ nâng xương TESSIER, quay trái, lưới 9mm, dài 150mm	1	cái	Dụng cụ nâng xương TESSIER Thiết kế lưới: Đầu nâng vuông góc với thân, mặt lưới có rãnh ngang chống trượt, quay trái Tay cầm: Cán đặc, đầu cán cong Chiều dài tổng thể: 150mm Kích thước lưới: Rộng 9 mm Chất liệu: Thép không gỉ.

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
38	Nạy xương hai đầu STEINBERG, dài 180mm	1	cái	Nạy xương hai đầu STEINBERG Hai đầu làm việc, mỗi đầu hình vòng cung dẹt, bản mỏng, đầu vát Tay cầm cán tròn, có đoạn nhám chống trượt Chiều dài tổng thể: 180 mm Chất liệu: Thép không gỉ
39	Nạy xương hai đầu cong STEINBERG, dài 195mm	1	cái	Nạy xương hai đầu STEINBERG Thiết kế: Hai đầu, một đầu cong nhẹ, một đầu dẹt thẳng Tay cầm cán tròn, có đoạn nhám chống trượt Chất liệu: Thép không gỉ Chiều dài tổng thể: 195mm
40	Banh hàm móm BSSO ARNETT, dài 200mm	1	cái	Banh hàm móm BSSO ARNETT Thiết kế hai đầu: Một đầu bản dẹt, cong vuông góc, tiết diện hình chữ U, bản rộng và một đầu cong nhẹ hình chữ J Chiều dài tổng thể: 200mm Chất liệu: Thép không gỉ
41	Dụng cụ chỉnh hàm móm BSSO ARNETT, lưới	1	cái	Dụng cụ chỉnh hàm móm BSSO ARNETT lưới đuôi én Đầu dụng cụ: cong, bản dẹt, vát mỏng, hình đuôi én Chiều dài tổng thể: 200 mm Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	cong hình đuôi én, dài 200mm			
42	Banh móm xương ARNETT, có dây xích, ngàm có răng 1x2	1	cái	Banh móm xương ARNETT Thiết kế ngàm răng: 1 x 2 răng (1 răng một bên, 2 răng bên đối diện) Có dây xích có định nối hai tay kẹp Chất liệu: Thép không gỉ
43	Banh rẽ thân kinh ARNETT, dài 195mm	1	cái	Banh rẽ thân kinh ARNETT Thiết kế đầu banh: mỏng, cong, có môi, bản dẹt. Chiều dài tổng thể: 195mm Chất liệu: Thép không gỉ
44	Bảy xương, hai đầu gấp khủy, dài 175mm	1	cái	Bảy xương hai đầu gấp khủy Cả hai đầu đều được thiết kế dạng gấp khủy (mỗi đầu cong/gấp một góc khác nhau) Tay cầm có rãnh chống trượt Chiều dài tổng thể: 175mm Chất liệu: Thép không gỉ
45	Bóc tách màng xương Williger,	1	cái	Dụng cụ bóc tách màng xương Williger Đầu thao tác: Dẹt, cong, bản rộng 7 mm Tay cầm có rãnh chống trượt

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	cong, đầu dẹt rộng 7mm, dài 160mm			Chiều dài tổng thể: 160mm Chất liệu: Thép không gỉ
46	Dụng cụ bóc tách màng xương ALIJBERG, hai đầu nhọn/tù	1	cái	Dụng cụ bóc tách màng xương ALIJBERG, Hai đầu: một đầu nhọn, một đầu tù (dẹt, hình thìa) Tay cầm: Dạng tròn, có rãnh chống trượt Chiều dài tổng thể: 180mm Chất liệu: Thép không gỉ
47	Bẫy xương OBWEGESER, đầu bẫy cong 6mm, một đầu cong mạnh, dài 210mm	1	cái	Bẫy xương OBWEGESER, Hai đầu: một đầu cong mạnh, một đầu cong nhẹ/dẹt hơn Tay cầm dạng tròn, có rãnh chống trượt Chiều dài tổng thể: 210mm Đầu bẫy: rộng 6mm Chất liệu: Thép không gỉ
48	Dụng cụ nạo xoang, Fig. 2, 2 đầu nhọn gấp góc ngược chiều, dài 165mm	1	cái	Dụng cụ nạo xoang, Fig. 2 Hai đầu nhọn, gấp góc ngược chiều nhau Tay cầm dạng tròn có rãnh chống trượt Chiều dài tổng thể: 165mm Chất liệu: Thép không gỉ
49	Dụng cụ nạo xoang, Fig. 4, 1	1	cái	Dụng cụ nạo xoang, Fig. 4

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
	đầu thẳng dạng thìa nạo, 1 đầu tròn gấp góc, dài 165mm			Hai đầu: 1 đầu thẳng dạng thìa nạo, 1 đầu tròn gấp góc Tay cầm tròn cổ rãnh chống trượt Chiều dài tổng thể: 165mm Chất liệu: Thép không gỉ
50	Hàm cắn kim loại bọc nhựa, cỡ L, dùng cho người lớn	1	cái	Hàm cắn kim loại bọc nhựa, kích cỡ L (Large) Hàm cắn có dây điều chỉnh kích thước Kích thước: Cỡ L – phù hợp cho người lớn Chất liệu: Lõi: Kim loại không gỉ, độ cứng cao, Lớp bọc ngoài: Nhựa không chứa Latex.
51	Banh miệng, DENHART, lưỡi 16mm, dài 130mm	1	cái	Banh miệng DENHART Tay cầm: Dạng kim, có khóa tự giữ Lưỡi cong, có rãnh Chiều dài tổng thể: 130mm Kích thước lưỡi banh: Rộng 16mm Chất liệu: Thép không gỉ
52	Bẫy chân răng HEIDEBRINK, Fig. 1, đường kính đầu bẫy 1,5mm	1	cái	Bẫy chân răng HEIDEBRINK, Fig. 1 Hai đầu cong, nhọn, gấp góc ngược chiều Thân có khóa chống trượt Đường kính đầu bẫy: 1,5mm

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
				Chiều dài tổng thể: nằm trong khoảng 150–160mm Chất liệu: Thép không gỉ
53	Kéo phẫu tích Metzenbaum Supercut, cong, mũi tù/tù, dài 285mm	1	cái	Kéo phẫu tích Metzenbaum Supercut Lưỡi kéo: Một lưỡi sắc (dạng Supercut), một lưỡi có rãnh vi phẫu (micro-serrated) Đầu kéo: cong, mũi tù/tù Tay cầm: có nhận diện nhanh loại Supercut Chiều dài tổng thể: 285 mm Chất liệu: Thép không gỉ
54	Kéo phẫu thuật, cong, mũi tù/tù, dài 115mm	1	cái	Kéo phẫu thuật loại cong, mũi tù/tù dùng trong các thủ thuật phẫu thuật răng hàm mặt. Đầu kéo: cong, mũi tù/tù Chiều dài tổng thể: 115mm Chất liệu: Thép không gỉ
55	Nhíp phẫu tích Waugh, thẳng, ngàm có khóa, dài 200mm	1	cái	Nhíp phẫu tích Waugh, thiết kế thẳng, chuyên dùng trong các thủ thuật phẫu thuật vùng răng hàm mặt Dạng: Thẳng, Đầu ngàm: Có khóa Chiều dài tổng thể: 200mm Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
56	Kẹp phẫu tích Micro-Adson, ngàm có khóa, 1x2 răng, dài 120mm	1	cái	Kẹp phẫu tích Micro-Adson Dạng: Thẳng, nhỏ gọn – dạng Micro Đầu ngàm: Có khóa, răng 1x2 (1 răng một bên, 2 răng bên đối diện) Chiều dài tổng thể: 120 mm Chất liệu: Thép không gỉ, đầu kẹp phủ Tungsten Carbide (TC)
57	Kẹp mạch máu Halsted-Mosquito, cong, ngàm răng cửa, dài 120 mm	1	cái	Kẹp mạch máu Halsted-Mosquito kiểu cong Ngàm: răng cửa, cơ chế khóa dạng răng lược Tay cầm dạng hai vòng, có khóa cố định Đầu kẹp: Nhỏ, mảnh Chất liệu: Thép không gỉ Chiều dài tổng thể: 120mm
58	Kẹp mạch máu không chấn thương De Bakey-Mosquito ATRAUMA, cong, ngàm có răng De Bakey, dài 125mm	1	cái	Kẹp mạch máu không chấn thương De Bakey-Mosquito Atrauma, thiết kế dạng cong Ngàm có răng De Bakey, cơ chế khóa răng lược Tay cầm: dạng vòng, có khóa tự giữ Đầu kẹp: nhỏ, mảnh Chiều dài tổng thể: 125mm Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
59	Móc vi phẫu Barsky, 1 răng nhọn, dài 150mm	1	cái	Móc vi phẫu Barsky Đầu móc: 01 răng nhọn Tay cầm: Dạng tròn, có khía chống trượt Chiều dài tổng thể: 150mm Chất liệu: Thép không gỉ
60	Banh phẫu thuật Cope, hai đầu cong, dài 180mm	1	cái	Banh phẫu thuật Cope Dạng: Hai đầu cong, một đầu cong mạnh và một đầu cong vuông Chiều dài tổng thể: 180mm Chất liệu: Thép không gỉ
61	Banh vết thương Guthrie, 2 răng nhọn, thân nhỏ, dài 160 mm	1	cái	Banh vết thương Guthrie Đầu banh: 2 răng nhọn Thân nhỏ Chiều dài tổng thể: 160mm Chất liệu: Thép không gỉ
62	Thước đo CASTROVIEJO, đầu cong, dài 80mm, dài đo 0 - 20mm	1	cái	Thước đo CASTROVIEJO, đầu cong, có vít chỉnh, giữ cố định khoảng cách hai mỏ đo Dài đo: 0 - 20mm Chiều dài tổng thể: 80mm Chất liệu: Thép không gỉ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ TÍNH	YÊU CẦU KỸ THUẬT
63	Banh miệng DINGMANN, bộ đầy đủ gồm 1 khung, 3 thanh đà lưới kích thước 62 x 26 mm, 65 x 30 mm, 78 x 32 mm và 2 lưới bên có thể điều chỉnh	1	cái	Banh miệng DINGMANN, Bộ sản phẩm gồm 01 khung và 03 thanh đà lưới với các kích thước khác nhau (62 x 26 mm, 65 x 30 mm, 78 x 32 mm), và 02 lưới bên có thể điều chỉnh vị trí Chất liệu: Thép không gỉ
64	Thanh đà lưới số 2, kích thước 65 x 30 mm	1	cái	Thanh đà lưới số 2, đầu lưới bản rộng, cong nhẹ Một đầu có lỗ để lắp vào khung bánh miệng Dingmann Thân có rãnh chống trượt Kích thước: 65 x 30 mm, Chất liệu: Thép không gỉ

